

Bản án số: 73/2018/DS-PT

Ngày: 16-5-2018

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán: Ông Lương Thanh Chín

Bà Lê Thị Thanh Thái

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Trung là thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Phạm Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 16/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2016/TLPT-DS ngày 10/10/2016, về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 28/2016/DS-ST ngày 01/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 257/2016/QĐ-PT ngày 14/12/2016; Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2016/QĐ-PT ngày 30/12/2016; Quyết định tạm đình chỉ xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số 03/2017/QĐ-PT ngày 13/01/2017; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm số 51/2017/QĐPT-DS ngày 06/7/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 170/2017/QĐ-PT ngày 27/7/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2017/QĐ-PT ngày 09/8/2017; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 06/2017/QĐPT-DS ngày 17/8/2017; Quyết định tạm đình chỉ xét xử vụ án dân sự phúc thẩm số 16/2017/QĐ-PT ngày 18/9/2017; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án dân sự phúc thẩm số 04a/2018/QĐPT-DS ngày 16/3/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 90/2018/QĐ-PT ngày 10/4/2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2018/QĐ-PT ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận; *giữa các đương sự:*

- *Nguyên đơn:* Ông Bùi Xuân Q, sinh năm: 1980

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị B, sinh năm: 1949

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Phạm Thị B:
Ông Trần Văn Đ - Luật sư- Công ty Luật TNHH - MTV - Bình Thuận.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Phạm Thị B

Tại phiên tòa có mặt: ông Q, bà B và ông Trần Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/8/2015, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 03/6/2016, bản khai và lời khai của nguyên đơn như sau: Vào ngày 30/5/1995, bà Phạm Thị B có sang nhượng cho cha ông là Bùi Văn T diện tích đất khoảng 600m² (không đo đạc cụ thể). Năm 1997 đến năm 1998, Nhà nước đào tuyến kênh đi qua phần đất đã sang nhượng trên nên phần đất được chia thành hai thửa, thửa số 180 có diện tích 380m² (đo đạc hiện trạng 436,3m²) giáp ranh đất của bà B nên bà B cho rằng đất của bà. Năm 2008 cha ông qua đời, anh em có thỏa thuận giao cho ông thửa đất số 180 với diện tích 380m² và ông đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 ngày 05/9/2008. Năm 2009, ông trồng trụ rào thì bà B ngăn cản nên bỏ trống từ đó đến nay. Ông yêu cầu bà Phạm Thị B trả cho ông thửa đất số 180 với diện tích 380m² (đo đạc hiện trạng 436,3m²) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 ngày 05/9/2008 đứng tên Bùi Xuân Q.

Bị đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Ông của bà tên Trần G, bà của bà tên Võ Thị N đã chết có để lại cho bà nhiều diện tích đất nhưng bà không rõ bao nhiêu mét vuông. Ngày 30/5/1995, bà có chuyển nhượng cho ông Bùi Văn T là cha của ông Bùi Xuân Q diện tích 600m² với số tiền 1.500.000đồng có viết giấy tay. Diện tích còn lại tranh chấp hiện trạng 436,3m² bà sử dụng từ trước năm 1976 đến nay. Diện tích 436,3m² nằm chồng lên thửa số 16^b diện tích 4.741m² thuộc giấy chứng nhận số U 204550 ngày 19/11/2001 đứng tên bà. Năm 2006 Nhà nước thu hồi đất để làm đường có đền bù cho bà chứ không đền bù cho ông Q. Nay ông Q yêu cầu bà trả cho ông thửa đất số 180 diện tích 380m² (đo đạc hiện trạng 436,3m²) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 ngày 05/9/2008 đứng tên Bùi Xuân Q thì bà không đồng ý.

Sau khi hòa giải không thành;

Ngày 01/8/2016, Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đưa vụ án ra xét xử tại Bản án số 28/2016/DS-ST.

Quyết định: Áp dụng: khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, khoản 5 Điều 170,

Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 4, Điều 100, Điều 166, khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Xuân Q, buộc bà Phạm Thị B phải giao trả cho ông Bùi Xuân Q diện tích 380m² (đo đạc hiện trạng 436,3m²) thuộc thửa đất số 180 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 ngày 05/9/2008 (có sơ đồ vị trí kèm theo). Ông Bùi Xuân Q có nghĩa vụ đăng ký biến động quyền sử dụng đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai. Áp dụng: các Điều 145, Điều 147, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự. Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu 1.527.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bùi Xuân Q không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Q số tiền 500.000đồng tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004199 ngày 28/9/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Về lệ phí: Bà Phạm Thị B phải chịu 2.014.500đồng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất để hoàn trả cho ông Bùi Xuân Q do ông Q đã nộp 2.014.500đồng tạm ứng lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc. Ông Bùi Xuân Q không phải chịu lệ phí xem xét tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2016 bà B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết: Yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho biết không có kháng cáo bản án sơ thẩm.

Bị đơn cho biết giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

-Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Phạm Thị B, Luật sư Trần Văn Đ: Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc tuân theo pháp luật trong vụ án; Thẩm phán và Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều chấp hành pháp luật. Xét kháng cáo của bị đơn bà Phạm Thị B thấy rằng cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận diện tích 600m² đất có nguồn gốc do bà Phạm Thị B lập giấy viết tay sang nhượng lại cho ông Bùi Văn T là cha của ông Bùi Xuân Q từ năm 1995, đến năm 1998 nhà nước đào kênh đi qua phần đất này. Đối với diện tích đất còn lại nguyên đơn, bị đơn có lời khai khác nhau. Ông Q cho rằng diện tích đất còn lại là thửa 180 nay là thửa 76 đã được các anh chị em trong gia đình làm văn bản phân chia

thừa kế vào năm 2008 và ông đã làm thủ tục được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà B thì cho rằng diện tích 380m² nằm trong diện tích đất bà đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ủy ban cấp chồng lần bà vẫn quản lý sử dụng từ trước đến nay còn diện tích 600m² bán cho ông T là ở chỗ khác bà đã bán năm 1995 đến 2001 bà được cấp giấy chứng nhận nên không nằm trong diện tích bà được cấp giấy chứng nhận.

Công văn số 772/UBND-NC ngày 29/4/2016 của UBND huyện Hàm Thuận Bắc xác định diện tích 436,3m² đất mà ông T nhận chuyển nhượng, khi đo đạc lập bản đồ thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ gia đình ông T không có mặt tại vị trí đất và diện tích đất này liền kề với diện tích đất của hộ gia đình bà Phạm Thị B, nên diện tích đất thu hồi đã được lập hồ sơ kiểm kê và bồi thường cho bà B. Sau khi thu hồi diện tích còn lại là 380m² gia đình ông T không khiếu nại. Công văn số 1763/UBND-NC ngày 22/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc. Diện tích 517,6m² đất thu hồi nằm trong diện tích đất bà B đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn T (cha ông Q). Diện tích đất thu hồi không nằm trong diện tích đất bà B được cấp sổ diện tích 380m² nằm ngoài diện tích đất thu hồi làm đường và không nằm trong diện tích đất bà B được cấp sổ.

Như vậy, cùng một sự việc mà Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc có hai cách trả lời khác nhau là có mâu thuẫn, hơn nữa theo đo đạc thực tế hiện nay diện tích đất của bà B nếu trừ đi diện tích đất tranh chấp đo đạc hiện trạng 436,3m² thì chỉ còn 4308,7m² so với diện tích đất được cấp Giấy chứng nhận là thiếu, việc này án sơ thẩm chưa làm rõ. So sánh hai bản đồ đo đạc hình thể vị trí đất khác nhau bản đồ 299 được thiết lập năm 1990, trước thời điểm bà B chuyển nhượng cho ông T đã có thửa số 180 và trích lục bản đồ ngày 02/01/2018 do Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện cung cấp thì thửa 76 và thửa 180 không cùng vị trí nhưng theo giải trình của UBND huyện Hàm Thuận Bắc là do bản đồ 299 chưa đo đạc khép kín tại khu vực này nên không chính xác là chưa hợp lý.

Do các chứng cứ do UBND huyện Hàm Thuận Bắc cung cấp còn nhiều mâu thuẫn chưa phù hợp với thực tế khách quan của vụ án việc này tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nghĩ cần thiết phải giao vụ án để cấp sơ thẩm xem xét giải quyết lại để khách quan và phù hợp với thực tế, kháng cáo của bà B do vậy chưa xem xét được.

Vì các lẽ trên, Viện kiểm sát nhận thấy Quyết định sơ thẩm do Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc đã tuyên là chưa phù hợp pháp luật. Đề nghị

áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo hủy bản án sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ lời khai của đương sự, ý kiến của luật sư, kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 30/5/1995, bà Phạm Thị B có sang nhượng cho ông Bùi Văn T (cha của nguyên đơn Bùi Xuân Q) diện tích đất khoảng 600m² (không đo đạc cụ thể) có tứ cận: Đông giáp đất Dì Bảy Tài; Tây giáp đất còn lại của gia đình tôi (Bốn); Nam giáp đất ông Hai Sô; Bắc giáp đất chú Kiêm. Năm 1997 đến năm 1998, Nhà nước đào tuyến kênh đi qua phần đất bà B đã sang nhượng nêu trên nên diện tích đất được chia thành hai thửa, thửa số 180 có diện tích 380m² (đo đạc hiện trạng 436,3m²) giáp ranh đất của bà B nên bà B cho rằng đất của bà, đến năm 2008 cha ông Q qua đời, các anh chị em có thỏa thuận giao cho ông Q thửa đất số 180 với diện tích 380m², đã được Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 ngày 05/9/2008 mang tên Bùi Xuân Q. Năm 2009, khi ông trồng trọt thì bị bà B ngăn cản nên bỏ trống từ đó đến nay. Do vậy ông Q yêu cầu bà Phạm Thị B trả cho ông thửa đất số 180 với diện tích 380m² (đo đạc hiện trạng 436,3m²) thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 ngày 05/9/2008 đứng tên Bùi Xuân Q. Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q, bị đơn bà B không đồng ý; do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là có căn cứ.

[2] Về nguồn gốc đất tranh chấp, theo hồ sơ thể hiện: Trước năm 1975 do gia đình bà Phạm Thị B tạo lập nhưng không đăng ký quyền sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai tại địa phương và để đất trống, không sử dụng, đến năm 1995 thì gia đình bà B lập giấy viết tay sang nhượng lại cho ông Bùi Văn T là cha của ông Bùi Xuân Q. Năm 2008 thì ông Bùi Xuân Q được các anh chị em lập giấy chia và giao thừa kế. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông Q đã tiến hành đăng ký kê khai và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất này vào năm 2008.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; tại Công văn số 772/UBND-NC ngày 29/4/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, thể hiện nội dung: “*Diện tích đo đạc hiện trạng 436,3m² có liên quan đến tranh chấp giữa ông Bùi Xuân Q với bà Phạm Thị B có nguồn gốc do gia đình bà Phạm Thị B tạo lập trước năm 1975. Năm 1995 bà B chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn T*

(cha ông Bùi Xuân Q). Năm 2006 Nhà nước triển khai dự án làm đường Phú Hội - Cẩm Hang qua diện tích $436,3m^2$ đất mà ông T nhận chuyển nhượng, khi đo đạc lập bản đồ thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ gia đình ông T không có mặt tại vị trí đất và diện tích đất này liền kề với diện tích đất của hộ gia đình bà Phạm Thị B nên diện tích đất thu hồi đã được lập hồ sơ kiểm kê và bồi thường cho bà B. Sau khi thu hồi diện tích còn lại là $380m^2$ gia đình ông T không khiếu nại gì và năm 2008 ông T chết, gia đình ông T lập văn bản phân chia tài sản thừa kế và thống nhất giao diện tích đất trên cho ông Bùi Xuân Q thừa đất số 180 diện tích $380m^2$. Văn bản phân chia di sản thừa kế được Ủy ban nhân dân xã Hàm Hiệp chứng thực ngày 07/7/2008 và ngày 05/9/2008 Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 đứng tên Bùi Xuân Q với thửa đất số 180 diện tích $380m^2$, loại đất hàng năm khác... Diện tích đo đạc hiện trạng $436,3m^2$ thuộc thửa đất số 180, diện tích $380m^2$ trước năm 1975 do gia đình bà B tạo lập nhưng không kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và cũng để trống không sử dụng đến năm 1975 thì lập giấy tay chuyển nhượng cho ông Bùi Văn T (cha ông Q)... Quá trình thụ lý, giải quyết tại Tòa án cấp phúc thẩm đã thu thập xác minh thêm chứng cứ cho thấy, tại Công văn số 1763/UBND-NC ngày 22/6/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, thể hiện nội dung: “-Diện tích $517,6m^2$ hộ bà Phạm Thị B bị thu hồi theo Quyết định số 1460/QĐ/CT UB.HTB ngày 10/5/2005 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện để xây dựng công trình đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao tại xã Hàm Hiệp không nằm trong diện tích mà hộ bà Phạm Thị B đã được ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U204550 ngày 19/11/2001 đối với thửa số 16B diện tích $4.741m^2$. Diện tích $517,6m^2$ đất thu hồi nằm toàn bộ trong diện tích đất bà B đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn T (cha ông Q). -Diện tích mà ông Bùi Xuân Q được Ủy ban nhân dân huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 ngày 05/9/2008 đứng tên ông Bùi Xuân Q đối với thửa số 180 diện tích $380m^2$ nằm ngoài diện tích đất thu hồi để xây dựng công trình đường Phú Hội - Cẩm Hang - Sông Quao tại xã Hàm Hiệp đứng tên hộ Phạm Thị B theo Quyết định số 1460/QĐ/CT-UB.HTB ngày 10/5/2005 của Chủ tịch UBND huyện và không nằm trong diện tích mà hộ bà Phạm Thị B đã được UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 204550 ngày 19/11/2001 đối với thửa đất số 16B diện tích $4.741m^2$ ”.

Đồng thời qua so sánh, đối chiếu Tờ bản đồ 299 với Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/12/2017 thì vị trí, hình thể của thửa đất tranh chấp có sự khác nhau. Cụ thể:

Tại bản đồ 299 thể hiện thửa đất số 180 diện tích 380m² đo đạc thực tế là 436,3m² đã được UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 061191 ngày 05/9/2008 đứng tên ông Bùi Xuân Q nằm cách xa vị trí của thửa đất số 16^B diện tích 4.741m² bà Phạm Thị B đã được UBND huyện Hàm Thuận Bắc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U204550 ngày 19/11/2001.

Tại Trích lục bản đồ địa chính ngày 29/12/2017 thì vị trí thửa đất 180 được mang tên 76 có vị trí tiếp giáp thửa đất số 56 của bà Phạm Thị B. Lý giải cho sự khác nhau này, tại Biên bản ngày 14/3/2018 UBND huyện Hàm Thuận Bắc xác định: *“Thửa đất số 76 tại tờ trích lục bản đồ ngày 29/12/2017 chính là thửa đất 180 hiện nay ông Bùi Xuân Q đang tranh chấp với bà Phạm Thị B. Lý do vị trí hai thửa đất khác nhau trên hai tờ bản đồ là vì trước đây Bản đồ 299 chưa được đo đạc khép kín tại khu vực này nên khi lập thủ tục cấp giấy thửa 16B diện tích 4.741m² cho hộ bà B và thửa đất số 180 diện tích 380m² cho ông Q thì UBND xã Hàm Hiệp đo đạc bổ sung đưa vào chỉnh lý trên bản đồ 299 đã đo đạc trước đó. Tuy nhiên việc đo đạc bổ sung đưa vào chỉnh lý trên bản đồ đối với thửa đất mà bà B đã chuyển nhượng cho ông Bùi Văn T (cha ông Q) không đúng vị trí sử dụng đất ngoài hiện trạng nên có sự khác nhau về vị trí của hai thửa đất trên bản đồ địa chính và bản đồ 299. Việc chỉnh lý bản đồ cấp giấy không đúng vị trí nên không phát hiện thửa đất 180 cấp cho ông Q chồng lên một phần diện tích của thửa 16B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ bà B nên không điều chỉnh biến động giảm diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà B”.*

Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Qua thực tế diện tích đất bà Phạm Thị B đang quản lý thể hiện tại trích lục bản đồ ngày 29/12/2017 với diện tích đất bà Phạm Thị B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì có sự chênh lệch giảm nhưng chưa được làm rõ; Qua lời khai của các đương sự; xem xét tờ bản đồ 299 và bản đồ địa chính cùng các kết quả xác minh tại cơ quan quản lý đất đai tại địa phương đã cho thấy: Do việc làm thủ tục để cấp Giấy chứng nhận cho ông Bùi Xuân Q đã không điều chỉnh biến động đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà B nên khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Q đã có chồng lên một phần diện tích đất của bà B. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và có căn cứ xem xét lại việc cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến việc giải quyết vụ án, nghĩ nên hủy bản án sơ thẩm để giao hồ sơ vụ án về Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp và đưa Ủy

ban nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để xác định rõ vị trí của các thửa đất.

Việc hủy án sơ thẩm là do có tình tiết mới do vậy xác định lỗi của cấp sơ thẩm là lỗi khách quan.

Do hủy án sơ thẩm nên nội dung kháng cáo chưa được xem xét. Án phí sơ thẩm sẽ được xem xét giải quyết lại khi vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 3 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị B;

Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 28/2016/DS-ST ngày 01/8/2016 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phạm Thị B số tiền 200.000đồng tạm ứng kháng cáo theo biên lai thu tiền số 0008313 ngày 08/8/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc.

Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án (ngày 16/5/2018).

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Thuận Bắc;
- THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Thanh Thúy